

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước diễn biến tích cực của chứng khoán cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

FCN, NT2

[Cập nhật công ty]

TPB, NLG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và đưa tỷ trọng về mức an toàn.

07/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,037.84	+1.04
VN30	1,027.16	+1.27
HĐTL VN30F1M	1,027.90	+1.77
HNXIndex	207.50	+0.46
HNX30	362.34	+0.42
UPCoM	76.17	+0.22
USD/VND	23,675	-0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.38	-4
Lãi suất qua đêm (%)	5.89	+10
Dầu (WTI, \$)	80.49	+0.04
Vàng (LME, \$)	1,846.81	-0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,037.84 (+1.04%)
KLGD (triệu CP) 424.6 (+13.6%)
GTGD (triệu US\$) 348.5 (+21.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại STB (+0.4%), CTG (+2.3%), HDB (+2.8%).

HNXIndex 207.50 (+0.46%)
KLGD (triệu CP) 43.3 (-21.0%)
GTGD (triệu US\$) 28.1 (-10.2%)

2 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1.6 tỷ USD, giảm 34.8% so với cùng kỳ năm 2022. Cổ phiếu ngành Gỗ giảm ở PTB (-0.6%), TTF (-0.94%), GDT (-0.59%).

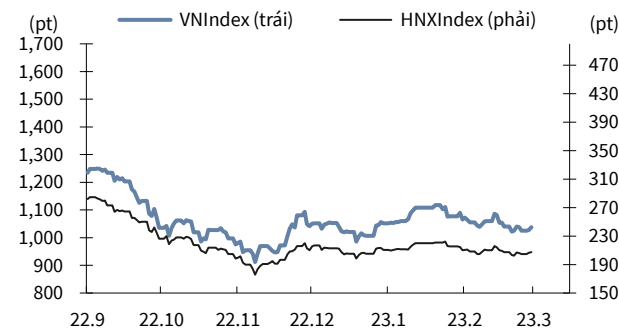
UPCoM 76.17 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 16.9 (-16.0%)
GTGD (triệu US\$) 8.8 (-14.2%)

Giá lợn hơi giảm mạnh nhất 2 năm qua. Tại khu vực miền Bắc, giá lợn hơi ngày 7/3 tiếp tục giảm 1,000 đồng/kg, dao động trong khoảng 47,000 – 49,000 đồng/kg. Trong đó, mức giá thu mua thấp nhất xuất hiện tại Yên Bái, Lào Cai và Phú Thọ.

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +8.7

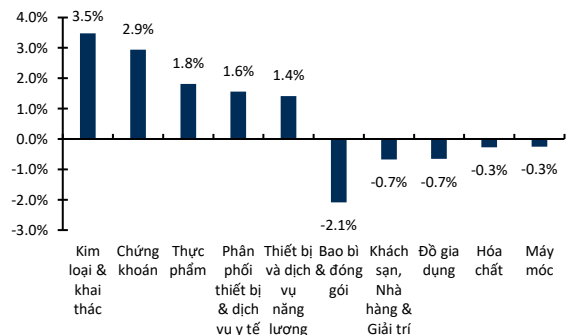
Cổ phiếu chăn nuôi giảm ở DBC (-0.37%), VLC (-1.36%).

VNIndex & HNXIndex



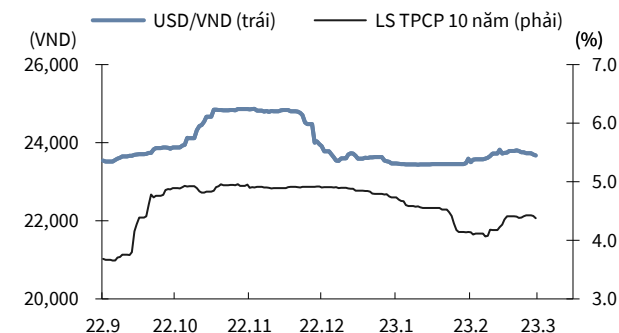
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



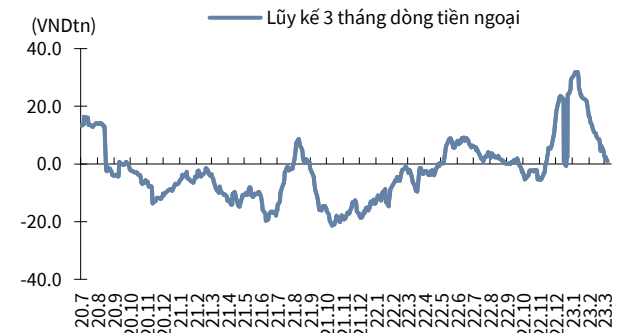
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

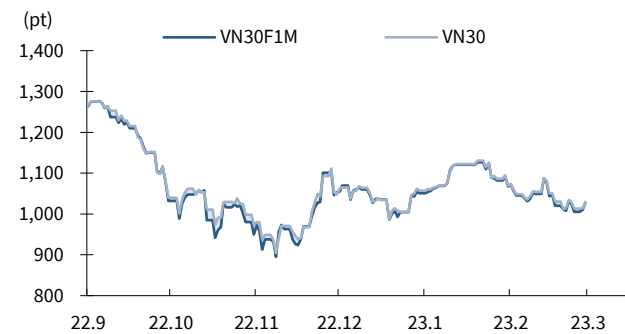
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,027.16 (+1.27%)
VN30F1M	1,027.9 (+1.77%)
Mở cửa	1,020.0
Cao nhất	1,041.0
Thấp nhất	1,018.6

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước diễn biến tích cực của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2303 và chỉ số VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại 15.04 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh mức -0.5 điểm suốt phiên và đóng cửa tại 0.74 điểm. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

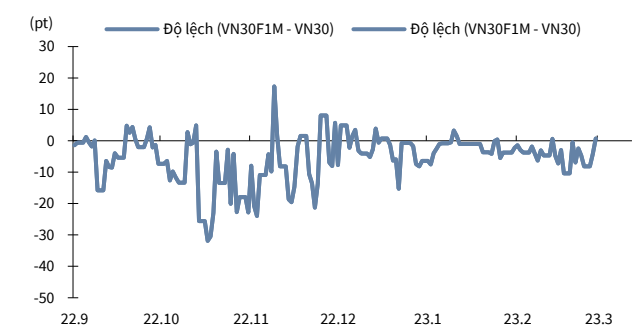
KLGD (HĐ)	452,290 (+20.1%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



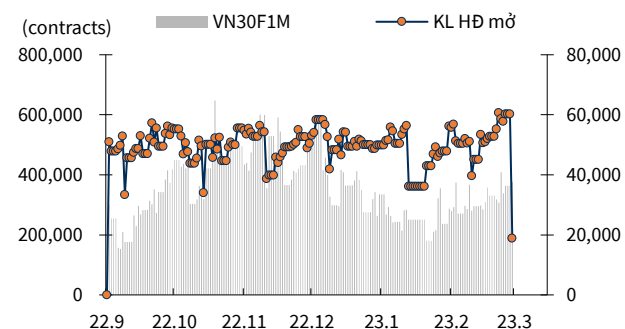
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



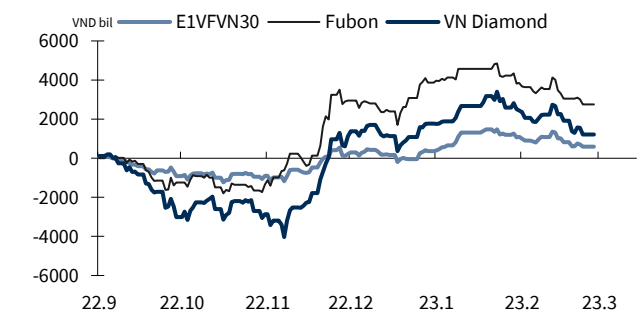
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

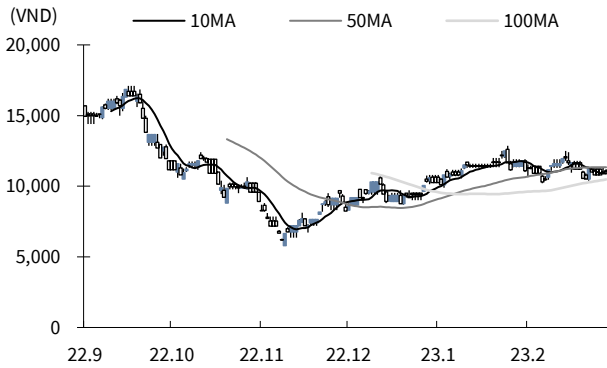
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

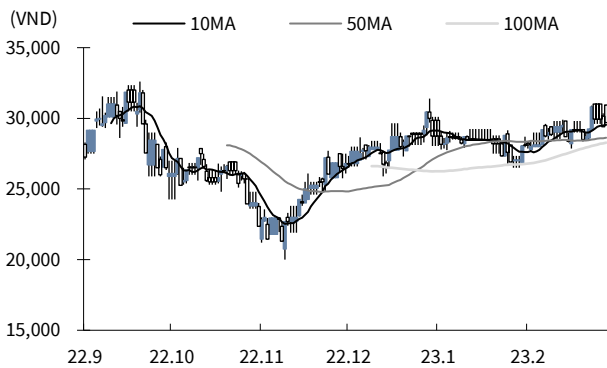
CTCP FECON (FCN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FCN tăng 1.4% lên 11,100VND/cp.
- Công ty cổ phần FECON vừa thông báo ghi nhận thêm 3 gói thầu mới ở lĩnh vực thi công nền và móng, hạ tầng ngầm và thi công hạ tầng. Tổng giá trị cộng dồn các gói thầu đã trúng trong tháng 2/2023 của FECON là 463 tỷ đồng.

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NT2 tăng 1% lên 29,700VND/cp.
- CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vừa công bố văn bản đính chính một số chỉ tiêu trong BCTC quý IV/2022. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của công ty ghi nhận 160 tỷ đồng, tăng thêm 154 tỷ so với báo cáo trước đó và tăng 32% so với cùng kỳ.

16/02/2023

2022, LNTT đạt 7,828 tỷ VND, tăng 29.6% YoY

Lợi thế cạnh tranh lớn của TPB trong công cuộc chuyển đổi số nhờ sự hỗ trợ của FPT

Tăng trưởng huy động tốt nhất hệ thống trong năm 2022

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 30,800 VND/cp

Năm 2022, thu nhập lãi thuần của TPB đạt 11,387 tỷ VND (+14.5% YoY). Thu nhập ngoài lãi đạt 4,231 tỷ VND (+18.5% YoY) giúp TOI đạt 15,617 tỷ VND (+15.5% YoY). CIR đạt 38.1% (+426 bps YoY) trong khi chi phí trích lập dự phòng giảm mạnh so với năm 2021 (-36.6% YoY) khiến LNTT 2022 đạt 7,828 tỷ VND, tăng 29.6% YoY.

Trong bối cảnh toàn ngành ngân hàng đẩy mạnh chuyển đổi số, với lợi thế cạnh tranh lớn nhờ sự hỗ trợ của cổ đông lớn là tập đoàn FPT – tập đoàn công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam, TPB là 1 trong những ngân hàng thực hiện chuyển đổi số đầu tiên, đã ghi nhận những thành quả đáng chú ý và kì vọng sẽ có những bước tiến lớn về chuyển đổi số trong thời gian tới.

Năm 2022, trong bối cảnh chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động diễn ra, tăng trưởng huy động khách hàng của TPB đạt 39.7% YTD, cao hơn so với trung bình nhóm ngân hàng quan sát đạt 11.0%. Tăng trưởng huy động cao đem lại một số lợi thế cho TPB bao gồm: (1) Đáp ứng các chỉ tiêu về thanh khoản; (2) Áp lực lên NIM giảm nhờ không phải đẩy mạnh lãi suất huy động; (3) Kì vọng CASA phục hồi.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TPB. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 30,800 VND/cp, cao hơn 28.3% so với giá tại ngày 16/02/2023

MUA

Giá mục tiêu	VND 30,800
Tăng/Giảm	28.3%
Giá hiện tại (2/16/2023)	VND 24,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 25,875
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	37,962

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	9,946	11,387	12,352	13,645
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	8,947	9,672	11,101	12,918
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	4,829	6,261	6,803	7,267
EPS (VNĐ)	3,053	3,958	4,301	4,594
Tăng trưởng EPS (%)	-7%	30%	9%	7%
PER (x)	7.9	6.1	5.6	5.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,429	20,382	23,883	27,677
PBR (x)	1.46	1.18	1.00	0.87
ROE (%)	22.6%	21.5%	19.4%	17.8%

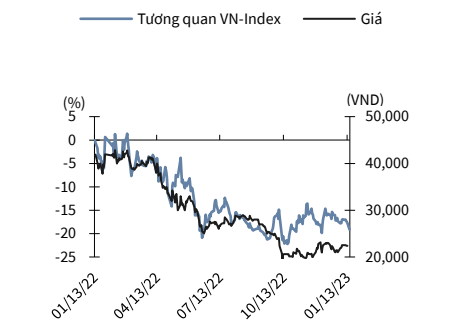
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	88.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	177/7.6
Sở hữu nước ngoài (%)	30.0
Cơ cấu cổ đông	FPT (6.67%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2	10	-19	-48
Tương đối	-5	3	-9	-19



Nguồn: Bloomberg, KBSV

NAM LONG (NLG)

Đẩy nhanh tiến độ bàn giao dự án Mizuki Park

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

07/03/2023

Hoạt động bán hàng trong quý 4/2022 tiếp tục chậm lại

Trong quý 4/2022, Nam Long chỉ bán được 64 căn (-81%QoQ) với tổng giá trị hợp đồng là 230 tỷ VND (-85%QoQ), đến từ hai dự án Akari City (150 tỷ VND) và Southgate (80 tỷ VND). Lũy kế cả năm, doanh số bán hàng đạt 10,152 tỷ VND, tăng 71% so với năm 2021 nhờ kết quả bán hàng tích cực trong 6 tháng đầu năm.

Tiếp tục mở bán các dự án hiện hữu

Chúng tôi cho rằng những khó khăn liên quan đến vấn đề kiểm soát tín dụng vào BĐS cũng như rủi ro liên quan đến tiến độ phê duyệt pháp lý kéo dài tại hai án Izumi và Cần Thơ sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kết quả bán hàng của Nam Long trong năm 2023. Tổng giá trị bán hàng năm 2023 ước tính đạt 6,615 tỷ VND (-35%YoY) đến từ các dự án Mizuki Park, Akari City và Southgate, Izumi City và Cần Thơ.

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 696 tỷ VND (+25% YoY)

Chúng tôi dự báo lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2023 đạt 696 tỷ VND (+25% YoY) từ bàn giao dự án Southgate và đẩy mạnh bàn giao dự án Mizuki Park (giai đoạn 2) và chuyển nhượng 25% cổ phần còn lại tại dự án Paragon Đại Phước.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 35,800VND/cổ phiếu

Mặc dù kết quả kinh doanh của Nam Long thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng, chúng tôi vẫn duy trì đánh giá tích cực đối với cổ phiếu Nam Long nhờ (1) Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn và (2) Các dự án căn hộ trung cấp tại TP HCM như Mizuki và Akari City hay căn hộ vừa túi tiền Ehome Southgate vẫn thu hút được người mua có nhu cầu ở thực. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 35,800VND/cp, cao hơn 40% so với giá đóng cửa ngày 06/03/2023.

Mua duy trì

Giá mục tiêu	35,800 VND
Tăng/giảm (%)	40%
Giá hiện tại (06/03/2023)	25,600 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	32,600 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	9.8/0.4

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,206	4,339	3,870	6,151
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,205	1,041	870	981
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,071	556	696	731
EPS (VND)	2,686	1,448	1,811	1,903
Tăng trưởng EPS (%)	-3	-46	25	5
P/E (x)	9.31	17.26	14.13	13.45
P/B (x)	1.07	1.07	0.69	0.64
ROE (%)	11	4	7	7
Tỷ suất cổ tức (%)	5	1	na	na

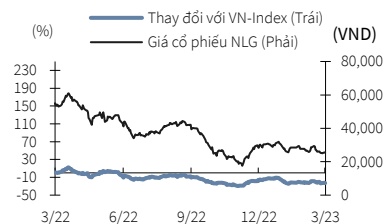
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	57.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	34.5/1.5
Sở hữu nước ngoài (%)	4.8%
Cố đồng lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (12%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-8	-5	-42	-52
Tương đối	-4	-8	-24	-23



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 103x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át, vùng hỗ trợ gần quanh 1020 và sâu hơn là 100x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và đưa tỷ trọng về mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1042 - 1047

Kháng cự gần: 1033 - 1037

Hỗ trợ gần: 1016 - 1020

Hỗ trợ xa: 985 - 990

- F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 103x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn đang có phần lấn át, vùng hỗ trợ gần quanh 1020 và sâu hơn là 100x được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý cho F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

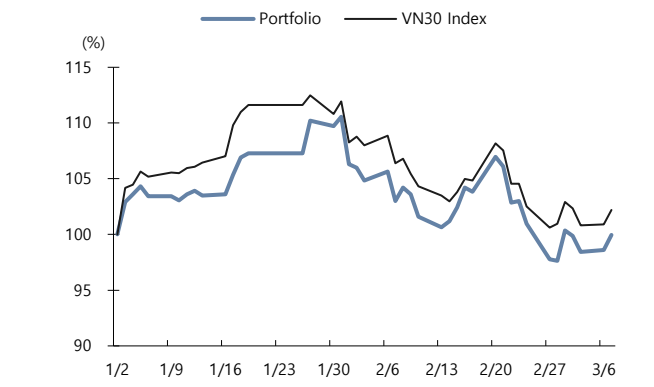
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.27%	1.35%
Tăng lũy kế (YTD)	2.19%	-0.05%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	39,700	0.8%	2.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,400	3.5%	-7.4%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	79,300	1.0%	37.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	23,500	0.2%	-4.1%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	13,300	-0.4%	-22.2%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	78,800	0.8%	224.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,000	2.3%	53.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,500	0.8%	42.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,100	3.4%	89.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	21,800	1.2%	112.2%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	0.4%	29.1%	65.9
CTG	2.3%	28.1%	39.9
HDB	2.8%	18.6%	36.5
HSG	4.9%	10.1%	24.7
SSI	3.5%	42.8%	22.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	3.4%	23.4%	-141.5
DGW	-2.5%	26.4%	-13.4
DCM	0.0%	10.2%	8.2
SAB	1.0%	62.6%	-8.3
KDC	-0.6%	23.8%	-4.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.0%	1.0%	26.0
PVS	0.8%	20.1%	13.5
TNG	2.9%	11.1%	7.0
CEO	-1.0%	2.7%	2.6
SHS	2.4%	6.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IVS	0.0%	72.3%	-0.3
MDC	0.0%	18.3%	-0.3
TVD	0.7%	2.9%	-0.2
NVB	4.2%	8.8%	-0.2
NAG	-1.1%	1.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	6.0%	HPG, HSG, NKG, KSB
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	5.2%	PVD, PVT
Chứng khoán	5.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	4.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Giấy & lâm sản	3.2%	DHC, HAP, HHP, VID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-2.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-2.1%	TLG, ILB, APC, ST8
Công nghệ	-2.1%	FPT, CMG, ELC
Thực phẩm	-2.0%	VNM, MSN, KDC, VHC
Đồ gia dụng	-1.7%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	12.1%	PVD, PVT
Phụ tùng oto	11.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ gia dụng	5.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Tiện ích điện	2.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Sản xuất điện	2.1%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-13.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	-11.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thực phẩm	-9.2%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tập đoàn công nghiệp	-7.4%	REE, BCG, PET, EVG
Máy móc	-7.1%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	98,032 (4.1)	22.5	28.5	25.2	14.7	6.2	6.6	-	-	0.2	0.2	-4.2	-2.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	125,531 (5.3)	26.6	5.6	5.5	35.9	20.7	17.6	1.1	1.0	0.5	1.9	-9.6	-11.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	49,601 (2.1)	17.8	16.7	15.2	-7.6	9.9	10.3	1.7	1.6	1.7	-0.4	-6.8	1.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	208,109 (8.8)	31.3	4.6	3.3	6.7	6.5	-3.4	0.6	0.6	-1.8	2.4	-25.7	-22.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	44,202 (1.9)	11.6	20.5	13.9	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	-0.4	1.4	-5.1	-2.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	129,332 (5.5)	13.9	13.6	18.0	-	5.3	3.8	0.7	0.8	-2.8	5.0	-17.3	-17.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,375 (3.4)	6.3	13.3	11.5	11.7	23.7	21.3	2.5	2.2	1.0	-1.7	-0.1	14.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	51,501 (2.2)	12.7	10.9	9.1	-5.3	18.6	19.7	1.9	1.7	2.4	6.3	7.1	21.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	68,905 (2.9)	0.0	4.5	3.8	14.3	17.0	17.5	0.7	0.6	-0.4	2.3	-1.1	4.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	75,282 (3.2)	1.4	7.4	6.1	50.3	16.7	18.5	1.1	1.1	2.3	5.8	-0.7	6.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	239,384 (10.1)	0.0	6.9	5.6	18.8	15.4	16.2	1.0	0.8	1.8	2.1	-3.1	-2.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	130,092 (5.5)	0.0	4.4	3.7	14.6	21.9	20.4	0.8	0.7	0.6	0.9	-5.2	1.8
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	37,232 (1.6)	4.2	5.1	4.2	23.3	22.0	21.5	1.0	0.8	2.8	8.5	2.8	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	440,585 (18.6)	14.0	5.9	4.1	26.5	21.4	24.0	1.0	0.8	0.4	5.3	-2.9	11.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	126,100 (5.3)	0.0	5.3	4.4	37.4	19.8	19.9	1.0	0.8	0.2	0.9	-3.7	11.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	54,493 (2.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.8	8.3	-6.4	-16.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	17,370 (0.7)	21.0	14.9	12.4	15.8	10.9	12.1	1.6	1.5	0.6	-0.4	-1.8	3.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,165 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	2.9	2.9	5.4	23.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	236,315 (10.0)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	3.5	6.3	1.8	9.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	118,119 (5.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.3	4.7	-1.1	15.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	121,481 (5.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.9	6.2	3.4	20.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	228,744 (9.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.5	5.6	-1.0	5.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	97,619 (4.1)	42.1	18.0	16.3	4.0	29.8	32.1	5.0	4.7	1.1	0.4	-0.4	-0.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	13,512 (0.6)	36.9	22.0	19.4	7.3	22.0	22.5	4.5	4.1	1.0	-0.6	-2.2	12.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	59,521 (2.5)	16.5	22.6	16.4	-51.9	12.3	16.9	3.3	2.9	5.2	-4.5	-16.8	-15.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,260 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	2.9	-1.8	2.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	25,992 (1.1)	11.0	26.7	17.4	-88.5	16.4	27.8	-	-	0.8	-2.9	-11.2	-11.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	25,907 (1.1)	10.8	12.9	16.2	-57.0	23.7	12.1	1.7	1.6	1.1	1.2	-7.6	9.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	29,492 (1.2)	38.4	19.7	8.2	65.7	3.0	7.3	-	-	0.4	2.7	-1.5	3.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	111,212 (4.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.9	1.7	-14.0	-5.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	8,278 (0.3)	3.6	16.9	8.3	-52.4	1.9	3.8	0.3	0.3	-0.1	7.0	0.0	9.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	18,342 (0.8)	0.0	10.0	8.8	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	0.6	-0.6	-8.3	-5.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	20,565 (0.9)	46.1	19.8	17.3	-17.5	19.1	18.0	3.4	3.4	0.8	1.0	-1.7	3.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,068 (0.8)	31.4	13.5	9.8	-10.5	14.6	19.2	1.9	1.8	1.0	3.5	5.7	2.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,515 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.3	3.7	3.0	21.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	451,786 (19.1)	18.0	11.7	8.1	21.9	10.7	14.2	1.2	1.0	3.4	5.5	6.8	17.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	71,594 (3.0)	36.5	5.7	8.6	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	-0.9	-2.9	-20.3	-20.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	56,551 (2.4)	46.5	7.8	7.7	-4.5	15.2	14.8	1.1	1.1	0.0	-1.3	-10.8	-12.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	281,377 (11.9)	38.9	14.3	7.5	67.9	6.1	10.7	0.8	0.7	4.9	10.7	18.8	39.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	30,648 (1.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	1.3	7.3	28.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	28,285 (1.2)	4.6	17.0	14.4	-51.0	9.8	9.8	2.0	1.9	0.3	4.6	0.0	23.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	96,947 (4.1)	39.9	26.6	14.4	-11.9	3.1	5.6	0.9	0.8	1.4	3.3	13.2	22.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	38,919 (1.6)	35.9	7.6	6.7	2.2	14.5	15.1	1.0	0.9	1.4	9.0	14.1	-4.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	66,214 (2.8)	0.0	11.9	7.8	14.4	18.8	22.3	1.9	1.4	0.8	-0.8	-13.1	-7.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	26,114 (1.1)	0.0	12.4	10.7	2.4	23.0	23.6	2.5	2.1	1.0	3.1	-4.6	-11.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,249 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	6.3	18.8	24.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	71,571 (3.0)	30.3	20.1	15.2	-75.2	19.8	22.1	3.4	2.7	0.0	1.3	-8.1	1.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	18,348 (0.8)	34.6	9.0	8.5	41.2	21.9	22.7	1.6	1.3	0.1	0.9	-3.0	3.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,418 (0.1)	45.4	13.5	12.4	10.7	21.7	20.8	2.7	2.4	0.4	-0.1	-1.2	13.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	61,961 (2.6)	0.0	13.9	11.6	15.5	28.0	29.3	3.3	3.0	0.8	-2.1	-2.4	2.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.